

Toán

Nhân với số có một chữ số

I.Mục tiêu:

- Giúp HS biết nhân số có 6 chữ số với số có 1 chữ số.
- Thực hành tính nhẩm.

II.Đồ dùng:

Phiếu học tập, bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

GV gọi HS lên chữa bài tập.

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Nhân số có 6 chữ số với số có 1 chữ số (không nhớ):

- GV viết lên bảng:

$$241324 \times 2 = ?$$

- Khi chữa bài yêu cầu HS nêu cách tính.
- Cho HS so sánh kết quả của mỗi lần nhân với 10 để rút ra đặc điểm của phép nhân này là: phép nhân không nhớ.

3.Nhân số có 6 chữ số với số có 1 chữ số (có nhớ):

- GV ghi bảng phép nhân:
 $136204 \times 4 = ?$

- Cho HS cả lớp đối chiếu với bài làm trên bảng.
- GV nhắc lại cách làm như SGK.

Kết quả: $136204 \times 4 = 544816$.

* Lưu ý: Trong phép nhân có nhớ cần thêm số nhớ vào kết quả lần nhân liền sau.

4.Thực hành:

+ Bài 1:

+ Bài 2:

- GV gọi HS nêu cách làm và nêu giá trị của biểu thức ở mỗi ô trống.

+ Bài 3:

GV gọi HS nêu cách tính giá trị của mỗi biểu thức.

- GV và lớp nhận xét kết quả.

+ Bài 4:

HS: 1 em lên bảng đặt tính và tính. Các HS khác đặt tính vào vở.

$$\begin{array}{r} 241324 \\ \times \quad 2 \\ \hline 482648 \end{array}$$

HS: 1 em khá lên đặt tính và tính. Các em khác làm tính vào vở.

$$\begin{array}{r} 136204 \\ \times \quad 4 \\ \hline 544816 \end{array}$$

HS: Đọc yêu cầu và tự làm.

- 2 HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở bài tập.

HS: Đọc yêu cầu của bài và tự làm.

- Nhân trước, cộng (trừ) sau.

- 2 HS lên bảng làm.

- Cả lớp làm bài vào vở.

HS: Đọc đề bài, nêu tóm tắt và trả lời các câu hỏi.

? Có bao nhiêu xã vùng thấp, mỗi xã được cấp bao nhiêu quyền truyền
? Có bao nhiêu xã vùng cao? Mỗi xã được cấp bao nhiêu quyền truyền
? Huyện đó được cấp tất cả bao nhiêu quyền truyền
Sau đó HS tự giải.

- 1 HS lên bảng giải.
- Cả lớp làm vào vở bài tập toán.

5.Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học.Y/c HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

Thể dục

Động tác toàn thân của bài thể dục phát triển chung.

Trò chơi: Con cóc là cậu ông trời.

I.Mục tiêu:

- Trò chơi: Con cóc là cậu ông trời.yêu cầu HS biết cách chơi và tham gia chơi nhiệt tình,chủ động.
- Ôn 4 động tác: vươn thở, tay, chân, bụng. Yêu cầu HS nhắc lại được tên, thứ tự động tác và thực hiện động tác cơ bản đúng.
- Học động tác phối hợp. Yêu cầu thuộc động tác, biết nhận ra được chỗ sai của động tác khi tập luyện.

II.Địa điểm, phương tiện:

- Sân trường sạch sẽ, đảm bảo an toàn tập luyện.
- Chuẩn bị 1-2 còi.

III.Nội dung, phương pháp:

1.Phần mở đầu:

- GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu tập luyện.
- Tổ chức cho HS khởi động.
- Thực hiện 1-2 động tác của bài thể dục đã học.

2.Phần cơ bản:

a.Trò chơi vận động:

- Trò chơi: Con cóc là cậu ông trời.

- Tổ chức cho HS chơi.

b.Bài thể dục:

- Ôn 4 động tác đã học:

- Học động tác phối hợp.

- HS tập hợp hàng, điểm số, báo cáo sĩ số.

* * * * *
* * * * *
* * * * *

- HS chú ý cách chơi và luật chơi.
- HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV.
- HS ôn 4 động tác bài thể dục.
- GV điều khiển cả lớp ôn 1 lần.
- HS ôn theo tổ.
- GV làm mẫu động tác, phân tích động tác.
- HS thực hiện động tác theo hướng dẫn của GV.
- GV lưu ý HS một số sai sót thường gặp khi

3,Phân kết thúc.

- Hệ thống nội dung bài.
- Nhận xét tiết học.

thực hiện động tác.

* * * * *
* * * * *
* * * * *

- Chơi trò chơi tự chọn.
- Thực hiện 1 số động tác thả lỏng.

Buổi chiều:

Luyện từ và câu

Kiểm tra đọc - hiểu; luyện từ và câu

I.Mục tiêu:

- Kiểm tra HS đọc hiểu văn bản có độ dài khoảng 200 chữ phù hợp với các chủ điểm đã học.
- Qua kiểm tra để đánh giá kết quả giữa học kỳ I của HS.

II.Cách tiến hành:

1.GV nhắc nhở HS trước khi làm bài:

Làm bài nghiêm túc, không quay cóp, không trao đổi.

2.GV phát đề kiểm tra cho từng HS (Theo đề kiểm tra của nhà trường)

- Hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu của đề, cách làm bài (khoanh tròn chữ cái đúng trước câu trả lời đúng hoặc đánh dấu vào ô trống).
- HS đọc kỹ đề bài và làm bài.
- GV nhắc HS suy nghĩ kỹ rồi làm bài, không bàn bạc, quay cóp.
- HS tự làm bài.
- GV quan sát và nhắc nhở chung.
- Hết giờ GV thu bài.

III.Nhận xét giờ kiểm tra:

- Y/c HS về nhà chuẩn bị bài sau.

Luyện toán

Luyện tập: Nhân với số có một chữ số

I.Mục tiêu:

- Giúp HS biết nhân số có nhiều chữ số với số có 1 chữ số.
- Thực hành giải các bài toán liên quan.

II.Đồ dùng:

Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Nội dung:

Bài 1. Đặt tính rồi tính.

$\begin{array}{r} 35126 \\ \times \quad 7 \\ \hline 245882 \end{array}$	$\begin{array}{r} 65321 \\ \times \quad 5 \\ \hline 326.605 \end{array}$	$\begin{array}{r} 210386 \\ \times \quad 8 \\ \hline 1683088 \end{array}$	$\begin{array}{r} 706325 \\ \times \quad 9 \\ \hline 6356925 \end{array}$
---	--	---	---

Bài 2. Tìm x biết:

a) $X \times 2493 = 2493 \times 2$
 $X \times 2493 = 4986$
 $X = 2$

b) $616 \times X = 5 \times 616$
 $616 \times X = 3080$
 $X = 3080 : 616$
 $X = 5$

Bài 3. Khối lớp 3 có 528 học sinh, mỗi học sinh mua 6 quyển vở, khối lớp 2 có 632 học sinh, mỗi học sinh mua 5 quyển vở. Hỏi khối lớp nào mua nhiều vở hơn và nhiều hơn bao nhiêu quyển?

Giải
Số quyển vở khối lớp 3 mua được là:
 $528 \times 6 = 3168$ (quyển)
Số quyển vở khối lớp 2 mua được là:
 $632 \times 5 = 3160$ (quyển)
Khối lớp 3 mua được nhiều hơn khối lớp 2 và nhiều hơn số quyển là:
 $3168 - 3160 = 8$ (quyển)
Đáp số: 8 quyển

Bài 4. Mỗi xã được cấp 455550 cây giống. Hỏi 1 huyện có 7 xã thì được cấp bao nhiêu cây giống?

Giải
Huyện đó được cấp số cây giống là:
 $455550 \times 7 = 3188850$ (cây)
Đáp số: 3188850 cây

5. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

Luyện tiếng việt

Luyện tập từ ghép, từ láy

I. Mục tiêu:

- Biết phân biệt từ ghép với từ láy, tìm được các từ ghép và từ láy đơn giản, tập đặt câu với các từ đó.

II. Đồ dùng dạy - học:

Chuẩn bị nội dung bài.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Bài 1. Tìm các từ ghép và từ láy có cùng một tiếng đã cho và ghi lại vào ô thích

hợp.

Tiếng	Từ ghép	Từ láy
Xấu	Xấu tính, xấu đẹp, xấu người...	Xấu xa, xấu xấu, xấu xí...
Cong	Cong queo, cong tớn, cong cớn...	Cong cong, ...
Vuông	Vuông tròn, ...	Vuông vức, vuông vắn, vuông vuông, ...
Lạnh	Lạnh giá, giá lạnh, lạnh tanh, lạnh ngắt,...	Lạnh lùng, lạnh lẽo, lạnh lạnh...
Tròn	Tròn xoe, ...	Tròn tròn, tròn trịa, ...

Bài 2. Ghi hai từ láy tả:

a) Mưa kéo dài:

b) Gió thổi nhẹ:

c) Hương lan nhẹ:

d) Mùi hương thơm nồng:

a) liên miên, dầm dề

b) hiu hiu, phảng phất

c) phảng phất, thoang thoảng

d) ngào ngạt, sực nức

Bài 3. Cho đoạn văn sau:

Giữa vườn lá xum xuê, xanh mướt còn ướt đẫm sương đêm, có một bông hoa rập rờn trước gió. Màu hoa đỏ thắm, cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát vào nhau như còn ngập ngừng chưa muốn nở hết. Đóa hoa tỏa hương thơm ngát.

Chia tiếng các từ láy, từ ghép tìm được vào bảng phân loại sau:

Từ ghép tổng hợp	Từ ghép phân loại	Từ láy âm đầu	Từ láy âm đầu và vần
Vườn lá	Xanh mướt, ướt đẫm, sương đêm, bông hoa, đỏ thắm, cánh hoa, đóa hoa, thơm ngát	Xum xuê, rập rờn, mịn màng, ngập ngừng	Khum khum

3. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

Thứ sáu ngày 31 tháng 10 năm 2014

Buổi sáng:

Thế dục

Ôn 5 động tác của bài thể dục.

Trò chơi: Nhảy ô tiếp sức.

I. Mục tiêu:

- Ôn 5 động tác: vươn thở, tay, chân, lưng - bong và phối hợp. Yêu cầu thực hiện đúng động tác và biết phối hợp giữa các động tác.
- Trò chơi: Nhảy ô tiếp sức. Yêu cầu HS tham gia chơi nhiệt tình chủ động.

II.Địa điểm, phương tiện:

- Sân trường sạch sẽ, đảm bảo an toàn tập luyện.
- Chuẩn bị 1-2 còi, kẻ sân chơi trò chơi.

III.Nội dung, phương pháp:

1.Phần mở đầu:

- GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu tập luyện.
- Tổ chức cho HS khởi động.
- Trò chơi: tự chọn.

2.Phần cơ bản:

a.Bài thể dục phát triển chung:

- Ôn 5 động tác bài thể dục phát triển chung.

b.Trò chơi vận động:

- Trò chơi Nhảy ô tiếp sức.

3.Phần kết thúc.

- Thực hiện một số động tác thả lỏng.
- Trò chơi tại chỗ.
- Hệ thống nội dung tập luyện.
- Nhận xét tiết học.

- HS tập hợp hàng, điểm số báo cáo.

* * * * *
* * * * *
* * * * *

- HS ôn tập 5 động tác.
- + GV điều khiển.
- + Cán sự lớp điều khiển.
- + HS ôn theo tổ.
- + Cán sự lớp điều khiển,GV theo dõi sửa sai cho HS.

- GV hướng dẫn cách chơi.
- HS chơi trò chơi.

* * * * *
* * * * *
* * * * *

Tập làm văn

Kiểm tra chính tả - tập làm văn

I.Mục tiêu:

- Kiểm tra phần chính tả và tập làm văn.
- Qua kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS giữa học kỳ I.
- Rèn ý thức nghiêm túc trong giờ kiểm tra.

II.Đồ dùng dạy học

GV: Đề kiểm tra. HS: Giấy kiểm tra.

III.Các hoạt động dạy - học.

1.GV nhắc nhở HS trước khi làm bài:

Làm bài nghiêm túc, không quay cốp, không trao đổi.

2.GV phát đề kiểm tra cho từng HS (Theo đề kiểm tra của nhà trường)

-Hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu của đề, cách làm bài (khoanh tròn chữ cái đúng trước câu trả lời đúng hoặc đánh dấu vào ô trống).

- HS đọc kỹ đề bài và làm bài.

- GV nhắc HS suy nghĩ kỹ rồi làm bài, không bàn bạc, quay cốp.

-HS tự làm bài.

-GV quan sát và nhắc nhở chung.

IV.Nhận xét giờ kiểm tra:

-Y/c HS về nhà chuẩn bị bài sau.

Toán

Tính chất giao hoán của phép nhân

I.Mục tiêu:

- Giúp HS nhận biết tính chất giao hoán của phép nhân.

- Vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán.

II.Đồ dùng:

Bảng phụ kẻ sẵn bảng số SGK.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

- GV nhận xét.

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.So sánh giá trị của các cặp phép nhân có thừa số giống nhau.

- GV gọi 1 số HS đứng tại chỗ tính và so sánh kết quả các phép tính bên:

$$3 \times 4 \text{ và } 4 \times 3$$

$$8 \times 9 \text{ và } 9 \times 8$$

$$7 \times 5 \text{ và } 5 \times 7$$

- Gọi HS nhận xét các tích đó.

? Vì sao kết quả từng cặp 2 phép nhân lại bằng nhau

-KL: 2 phép nhân có thừa số giống nhau thì luôn bằng nhau.

3.Giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân.

- GV treo bảng phụ có các cột ghi giá trị của a, b:

$$a \times b \text{ và } b \times a$$

→ GV ghi các kết quả đó vào bảng phụ.

HS: 1 em lên bảng chữa bài tập.

- Vì 2 phép nhân này có các thừa số giống nhau.

$$3 \times 4 = 4 \times 3; 2 \times 6 = 6 \times 2$$

- 3 HS tính kết quả của $a \times b$ và $b \times a$ với mỗi giá trị cho trước của a, b.

$$a = 4; b = 8 \text{ có: } a \times b = 4 \times 8 = 32$$

$$b \times a = 8 \times 4 = 32$$

$$a = 6; b = 7 \text{ có: } a \times b = 6 \times 7 = 42$$

$$b \times a = 7 \times 6 = 42$$

HS: So sánh kết quả $a \times b$ và $b \times a$ trong mỗi trường hợp và nêu nhận xét:

$$a \times b = b \times a$$